

KẾT HỢP THUYẾT HÀNH VI CÓ KẾ HOẠCH (TPB) VÀ MÔ HÌNH CHẤP NHẬN CÔNG NGHỆ (TAM) VÀO ĐỀ XUẤT KHUNG PHÂN TÍCH HÀNH VI HỌC TRỰC TUYẾN TẠI VIỆT NAM TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

Hoàng Đàm Lương Thúy*, Hoàng Trọng Trường
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

TÓM TẮT

Với mục đích nghiên cứu hành vi học trực tuyến của người học tại Việt Nam trong thời điểm dịch Covid-19 vẫn còn kéo dài và phức tạp, bài viết đã kết hợp thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) để đề xuất khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi học trực tuyến. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích số liệu, các thông tin thứ cấp và diễn giải thông tin. Dựa trên cơ sở tổng hợp lý thuyết về học trực tuyến và mô hình liên quan đến ý định, hành vi sử dụng công nghệ (mô hình TPB và TAM), bài viết đề xuất mô hình phân tích các yếu tố tác động đến hành vi học trực tuyến tại Việt Nam trong bối cảnh dịch Covid-19. Mô hình được xây dựng bao gồm các yếu tố độc lập: thái độ (chịu ảnh hưởng của cảm nhận sự hữu ích và cảm nhận sự dễ sử dụng), chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi; và yếu tố trung gian: ý định sử dụng. Đây là đóng góp quan trọng khi tìm hiểu về hành vi chấp nhận công nghệ trong việc học trực tuyến tại thời điểm hiện nay.

Từ khóa: Thuyết hành vi có kế hoạch định; mô hình chấp nhận công nghệ; học trực tuyến; hành vi học trực tuyến; dịch Covid-19.

Ngày nhận bài: 11/5/2020; Ngày hoàn thiện: 26/6/2020; Ngày đăng: 30/6/2020

INTERGRATING THEORY OF PLANNED BEHAVIOUR (TPB) AND TECHNOLOGY ACCEPTED MODEL (TAM) IN PROPOSING ANALYTICAL FRAMEWORK OF LEARNER BEHAVIOUR TOWARDS E-LEARNING DURING THE COVID-19 PANDEMIC IN VIETNAM

Hoang Dam Luong Thuy*, Hoang Trong Truong
VNU - University of Economics and Business

ABSTRACT

The research aims to examine electronic learning (e-learning) adoption of Vietnamese learners during the long-lasting and complicated effect of Covid-19 pandemic. This study integrated the technology accepted model (TAM) and theory of planned behaviour (TPB) in researching learners' behaviour and proposing theoretical framework on factors impacting on e-learning adoption behaviour. Methods of secondary data analysis and information interpretation are applied in the scope of this research. Based on the synthesis of model related to technology adoption (TAM) and theory of planned behaviour of Vietnamese learners (TPB), the article proposed an integrative research framework on factors affecting the decision to adopt e-learning of Vietnamese learners during the Covid-19 pandemic. The framework includes independent factors such as attitude (perceived usefulness and perceived ease of use), subjective norm, perceived behavioural control and mediator factor such as purchase intention. At the moment, this is an important contribution when researching about technology acceptance behaviour towards electronic learning in Vietnam.

Keywords: Theory of planned behaviour; technology accepted model; electronic learning; E-learning behaviour; the Covid-19 pandemic.

Received: 11/5/2020; Revised: 26/6/2020; Published: 30/6/2020

* Corresponding author. Email: luongthuyhd@vnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Sự bùng nổ của dịch COVID-19 đã dẫn đến những tác động to lớn lên cuộc sống hàng ngày, hành vi và nhận thức của người dân Việt Nam. Đại dịch Covid-19 do virus corona chủng mới (SARS-CoV-2) gây ra đã tác động lên 202/204 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới và được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) chính thức công bố là đại dịch toàn cầu [1]. Tính đến ngày 30/4/2020, thế giới đã ghi nhận hơn 3.500.000 ca nhiễm bệnh với hơn 248.000 người tử vong; tỷ lệ tử vong được xác định là khoảng 6,95% [2]. Tuy nhiên ở Việt Nam, nhờ chính sách phòng dịch chặt chẽ từ phía chính phủ, đến ngày 30/4/2020, Việt Nam chỉ ghi nhận 271 ca dương tính, chủ yếu đến từ các thành phố lớn với mật độ dân số cao và đông khách du lịch như Hà Nội, Hồ Chí Minh [2].

Khi dịch bệnh bùng nổ và đạt đến đỉnh cao vào thời điểm tháng 3/2020, chính phủ đã ban hành quyết định cách ly xã hội theo đó yêu cầu tạm dừng các hoạt động học tập tập trung như trường học, trung tâm tiếng anh, cơ sở học thêm cùng các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác trên cả nước [3]. Ước tính có hơn 22 triệu học sinh và sinh viên ở Việt Nam đã phải nghỉ học do ảnh hưởng của dịch Covid-19 [4]. Với phương châm "tạm dừng đến trường, không dừng học", các cơ sở giáo dục Việt Nam đã tiến hành áp dụng phương pháp dạy học trực tuyến và thu được những thành công nhất định. Hiện tại, đa phần các trường đều đã triển khai thành công hoạt động dạy học trực tuyến như Google Meet, Microsoft Team, Zoom Meeting...

Mặc dù học trực tuyến đang là lựa chọn hàng đầu trong bối cảnh dịch kéo dài và phức tạp, thế nhưng thực tế quá trình này đã nảy sinh nhiều bất cập và gây khó khăn cho cả người dạy và người học do hạn chế về hạ tầng công nghệ, điều kiện học tập, hay chính khả năng hiểu và theo dõi bài học [5]. Thực tế cho thấy mức độ chấp nhận sử dụng các nền tảng học

trực tuyến của người học ở Việt Nam vẫn đang ở mức thấp [6]. Vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi học trực tuyến là cần thiết, góp phần đưa ra những giải pháp cải thiện hiệu quả của hoạt động này ở Việt Nam.

Các yếu tố tác động tới hành vi học tập trực tuyến là một chủ đề khá mới mẻ, vì vậy, các nghiên cứu liên quan tới chủ đề này còn hạn chế. Các nghiên cứu trước đây thường sử dụng đơn lẻ các mô hình dự đoán hành vi như mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) và mô hình hành động có kế hoạch (TPB) [7], [8]. Đây là hai mô hình có khả năng giải thích tốt các yếu tố dẫn đến hành vi sử dụng công nghệ nói chung và học trực tuyến nói riêng. Trong khi mô hình TAM chủ yếu tập trung vào các yếu tố đặc tính của công nghệ (tính hữu ích và tính dễ sử dụng) thì mô hình TPB tập trung vào các yếu tố liên quan tới người sử dụng và môi trường xã hội (thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi). Vì vậy, việc kết hợp hai mô hình có thể giải thích hành vi chấp nhận công nghệ một cách toàn diện hơn [9], [10]. Vì vậy, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Đề xuất khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi học trực tuyến của người học tại Việt Nam trong đại dịch Covid-19 trên cơ sở kết hợp thuyết hành vi có hoạch định và mô hình chấp nhận công nghệ. Mô hình được đề xuất được kỳ vọng sẽ hỗ trợ đắc lực cho các nghiên cứu thực nghiệm về hành vi học trực tuyến tại Việt Nam sau này.

2. Tổng quan cơ sở lý thuyết

2.1. Hoạt động học trực tuyến

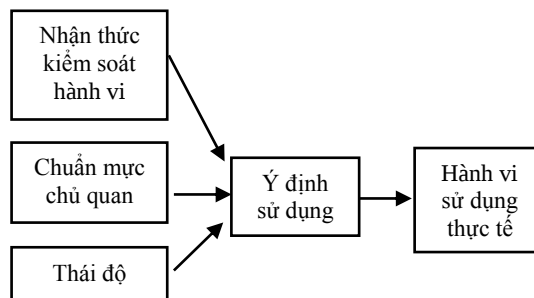
Theo cách hiểu tổng quát, hình thức học trực tuyến (E-learning) là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông [11]. Cụ thể hơn, học trực tuyến sử dụng sự hỗ trợ của nền tảng kỹ thuật và cho phép người dạy - người học có thể giao tiếp với nhau trên mạng, dưới các hình thức như e-mail, thảo luận trực

tuyển, diễn đàn, video...[11]. Nhiều điểm thuận lợi của việc học trực tuyến đã được các nghiên cứu trước đây chỉ ra như dễ quản lý thời gian, thuận tiện, dễ dàng tương tác ở khoảng cách xa, tiết kiệm chi phí và tạo nhiều cơ hội học tập mở cho người học [12], [13].

2.2. Các lý thuyết về sử dụng công nghệ

2.2.1. Thuyết hành vi có kế hoạch định (TPB)

Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) được đề xuất bởi Ajzen vào năm 1985 như là phiên bản mở rộng của lý thuyết hành động hợp lý (TRA) với mục đích chính là dự đoán các hành vi đã có kế hoạch và chủ ý [14]. Cụ thể, TPB dự đoán ý định dựa trên 3 yếu tố chính: *thái độ*, *chuẩn mực chủ quan* và *nhận thức kiểm soát hành vi*; trong đó mỗi yếu tố sẽ xác định mức trọng số riêng về tầm quan trọng của yếu tố đó với hành vi và sự quan tâm của cá nhân. So với TRA, thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) đã bổ sung thêm một biến số độc lập mới – nhận thức kiểm soát hành vi. TPB đã được chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu về hành vi của các cá nhân. Các nghiên cứu thực nghiệm đã cho thấy sự phù hợp của mô hình này trong việc nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong các bối cảnh cần sử dụng công nghệ, ví dụ mua sắm trực tuyến, hay ngân hàng trực tuyến [15], [16]. Theo TPB, thái độ yêu thích, mức độ chuẩn mực chủ quan cao và nhận thức kiểm soát hành vi tốt sẽ tác động tới ý định của từng cá nhân. Ý định này sẽ ảnh hưởng tới hành vi trong thực tế. Mô hình lý thuyết TPB được trình bày như hình 1:

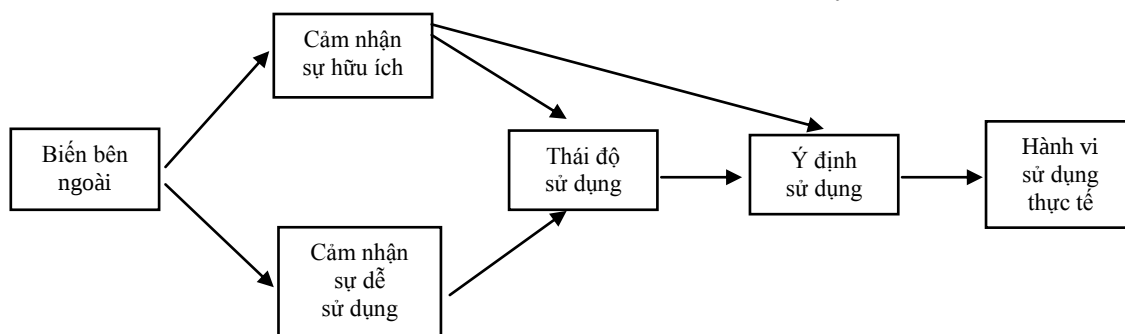


Hình 1. Mô hình TPB

(Nguồn: Đề xuất của Ajzen, 1985)

2.2.2. Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM)

Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) được sử dụng để giải thích và dự đoán về hành vi chấp nhận và sử dụng công nghệ. TAM được thử nghiệm và chấp nhận một cách rộng rãi trong các nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ thông tin và được coi là mô hình có giá trị tiên đoán tốt [10]. Theo đó, ý định sử dụng có tương quan đáng kể tới hành vi sử dụng, còn các yếu tố khác ảnh hưởng đến hành vi sử dụng một cách gián tiếp thông qua ý định sử dụng [17]. Nội dung chính của mô hình là miêu tả ảnh hưởng của các đặc điểm kỹ thuật trong hệ thống đến hành vi chấp nhận và ý định sử dụng công nghệ của từng cá nhân [17]. Mục đích của TAM là cung cấp lời giải thích rõ ràng về các yếu tố quyết định chấp nhận công nghệ nói chung, đồng thời lý giải hành vi của người dùng trên các ứng dụng công nghệ và kỹ thuật máy tính một cách vừa thực tế, vừa theo lý thuyết [17]. TAM chỉ ra rằng khi người dùng tương tác với công nghệ mới, các nhân tố chính có thể ảnh hưởng đến quyết định của họ về việc sử dụng công nghệ đó bao gồm: *cảm nhận sự hữu ích* và *cảm nhận sự dễ sử dụng* [17]. Mô hình lý thuyết TAM được trình bày như hình 2.



Hình 2. Mô hình TAM

(Nguồn: Đề xuất của Davis, 1989)

Nhìn chung, TAM và TPB đều cho rằng hành vi được quyết định bởi ý định và bản thân ý định thì được xác định bởi thái độ của từng cá nhân đối với hành vi. Tuy nhiên cấu trúc của mô hình TAM chỉ đề cập đến đặc điểm của công nghệ và hành vi người dùng, chứ không phản ánh chi tiết sự liên hệ giữa hoàn cảnh cá nhân – xã hội, nhận thức về công nghệ và ý định của người dùng như thuyết TPB. Vì vậy, sự kết hợp giữa TPB và TAM là hợp lý trong bối cảnh nghiên cứu hành vi chấp nhận phương tiện học trực tuyến của người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu dựa vào các tài liệu thứ cấp như bài báo, luận văn, đề tài khoa học về ý định và hành vi học trực tuyến ở Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Các từ khoá được sử dụng để tổng hợp thông tin bao gồm “học trực tuyến”, “hành vi học trực tuyến”, “thuyết hành vi có kế hoạch” và “mô hình chấp nhận công nghệ”. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid-19 hiện nay, chưa có nhiều tài liệu học thuật về nội dung này, vì vậy tác giả cần phải liên kết với các dữ liệu thứ cấp từ Bộ Y tế, Bộ Giáo dục, cùng các kênh thông tin chính thống khác ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tài liệu được tổng quan nhờ phương pháp phân tích và diễn giải để đưa ra mô hình đề xuất gồm các yếu tố tác động trực tiếp đến hành vi cuối cùng của người học.

4. Đề xuất khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp nhận học trực tuyến của người học tại Việt Nam

4.1. Cơ sở đề xuất

Các nghiên cứu trước đây đã xem xét tác động trực tiếp của các yếu tố trong TAM hoặc TPB đến việc chấp nhận sử dụng công nghệ trong các bối cảnh khác nhau. Một số nghiên cứu đã tích hợp cả TAM và TPB để đo lường tác động của các yếu tố theo ngữ cảnh đến việc áp dụng các dịch vụ khác nhau dựa trên công nghệ.

Nelson (2006) đã so sánh hai mô hình TAM và TPB khi cùng được sử dụng để nghiên cứu

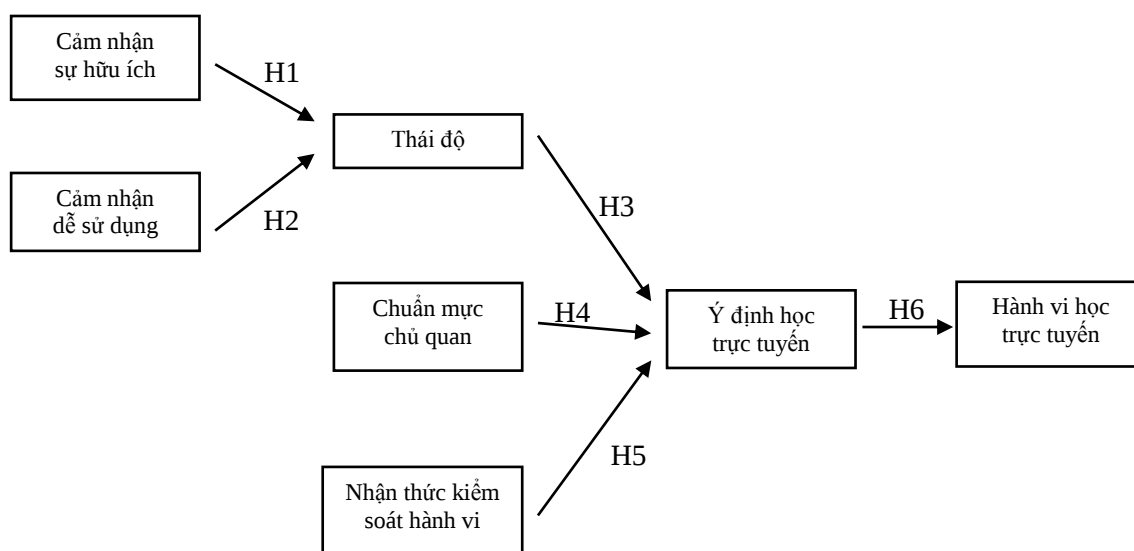
các nhân tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận học trực tuyến ở Malaysia [18]. Bằng cách đặt 2 mô hình này liên kết nhau, tác giả đã chỉ rõ sự ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân, công nghệ và xã hội đến ý định chấp nhận học trực tuyến. Kết quả chỉ ra rằng cả TAM và TPB đều có thể dự đoán ý định tốt, tuy nhiên mô hình TAM đưa ra kết quả giải thích tốt hơn TPB [18].

Ngoài ra, Yang và Su (2017) cũng tìm hiểu về ý định, hành vi của người học với các khoá học trực tuyến mở sử dụng phương pháp dạy bằng công nghệ mới bằng cách tích hợp cả 2 mô hình TAM và TPB [19]. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã chỉ ra thái độ (bao gồm cảm nhận hữu ích và cảm nhận dễ sử dụng) có tác động lớn nhất đến ý định của người học với các khoá học trực tuyến mở, theo đó là nhận thức kiểm soát hành vi và chuẩn mực chủ quan. Cuối cùng, ý định sử dụng ảnh hưởng tích cực đến hành vi thực tế của người học trong mô hình TAM-TPB này.

Ở một bối cảnh khác, Safeena cùng cộng sự (2013) cũng kết hợp TAM và TPB khi tìm hiểu về sự chấp nhận ngân hàng trực tuyến [16]. Tại thời điểm đó, ngân hàng trực tuyến đang là xu hướng dịch vụ sử dụng công nghệ (IT service) vô cùng mới mẻ, đột phá và hiện đại. Bài nghiên cứu đã xác định các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến sự chấp thuận ngân hàng trực tuyến. Trong đó, tất cả 5 yếu tố thuộc 2 mô hình (Cảm nhận hữu ích, cảm nhận dễ sử dụng, thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi) đều có mối liên hệ tích cực và mạnh mẽ đến hành vi sử dụng ngân hàng trực tuyến của khách hàng.

4.2. Khung nghiên cứu đề xuất

Khung nghiên cứu đề xuất được trình bày trong hình 3, bao gồm các biến độc lập trích xuất từ 2 mô hình TAM và TPB. Biến ý định sử dụng làm biến trung gian. Yếu tố phụ thuộc là hành vi sử dụng phương thức học trực tuyến trong đại dịch Covid-19.



Hình 3. Khung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi học trực tuyến

*** Cảm nhận sự hữu ích và cảm nhận dễ sử dụng:**

Cảm nhận sự hữu ích (PU) và Cảm nhận dễ sử dụng (PEOU) là hai thành phần chính của TAM xác định ý định và việc áp dụng thực tế của một ứng dụng dựa trên công nghệ nhất định. Cảm nhận sự hữu ích thể hiện niềm tin của một người về việc sử dụng công nghệ trong một hoạt động cụ thể sẽ nâng cao hay cải thiện hiệu suất của hành vi đó [20]. Trong khi đó, cảm nhận dễ sử dụng là đánh giá của người sử dụng về những nỗ lực cần thiết phải có khi sử dụng công nghệ trong hoạt động đó [20]. Cả 2 yếu tố cảm nhận sự hữu ích và cảm nhận dễ sử dụng đều có mối liên hệ đến thái độ của người dùng và cuối cùng có đóng góp tích cực vào kết quả xác định hành vi. Nghiên cứu của Tavallae và cộng sự (2017) cho thấy ảnh hưởng tích cực của cảm nhận sự hữu ích và cảm nhận dễ sử dụng đến thái độ của người học trực tuyến. Những người có kinh nghiệm sử dụng và nhận thức được sự hữu dụng của các nền tảng học trực tuyến sẽ hình thành thái độ tích cực hơn [21].

Trên thực tế, việc học trực tuyến vẫn còn nhiều khó khăn với người học tại Việt Nam do tính chất mới mẻ và yêu cầu hiểu biết về công nghệ cao. Sử dụng mạng để học trực tuyến đặc biệt khó ở các khu vực nông thôn hay các tỉnh miền núi, nơi mạng Internet, sóng điện thoại chưa

phổ cập đến từng nhà [22]. Cơ sở hạ tầng (máy tính, phần mềm, đường truyền mạng), công tác quản lý, chất lượng đội ngũ giáo viên là 3 yếu tố chính liên quan đến cảm nhận sự hữu ích và cảm nhận dễ sử dụng của người học để từ đó ảnh hưởng đến thái độ của họ trong thời điểm này [22]. Vì vậy, giả thuyết H1, H2 được đưa ra như sau:

H1: Cảm nhận sự hữu ích tác động tích cực đến thái độ của người học khi chấp nhận học trực tuyến trong đại dịch Covid-19.

H2: Cảm nhận sự dễ sử dụng tác động tích cực đến thái độ của người học khi chấp nhận học trực tuyến trong đại dịch Covid-19.

*** Thái độ:**

Theo mô hình TPB, thái độ là đánh giá chủ quan của một cá nhân về việc tốt hay không tốt khi thực hiện một hành vi [24]. Thái độ thường được quyết định dựa vào những trải nghiệm trước đó với một hành vi và thường chỉ diễn ra trong phạm vi từng cá nhân [24]. Theo các nghiên cứu trước đây, thái độ có tác động đáng kể và tích cực đến ý định cũng như hành vi sử dụng của con người [17]. Trong các yếu tố ảnh hưởng tới ý định học trực tuyến, thái độ của người học là yếu tố tác động mạnh mẽ nhất [19], người học càng có thiện cảm với các ứng dụng học tập trực tuyến thì khả năng chấp nhận sử dụng của họ càng cao [25], [26].

Hiện nay, thái độ học trực tuyến của người Việt Nam vẫn chưa thật sự chủ động, tích cực. Phần lớn người học vẫn có thái độ thiếu động lực, thiếu sự chia sẻ, hỗ trợ trong quá trình triển khai dạy học trực tuyến [22]. Vì vậy, tỷ lệ người học tham gia học trực tuyến tại một số tỉnh, thành phố vẫn chưa cao; thậm chí tại các địa bàn thuận lợi, số học sinh tham gia cũng chỉ được khoảng 80% [22]. Giả thuyết được đưa ra như sau:

H3: Thái độ tác động tích cực đến hành vi chấp nhận học trực tuyến của người học trong đại dịch Covid-19

*** Chuẩn mực chủ quan:**

Theo nghiên cứu của Ajzen (1991), chuẩn mực chủ quan là cảm nhận của cá nhân về các áp lực hay tác động xung quanh đối với việc thực hiện hay không thực hiện một hành vi [23]. Các nghiên cứu trước đây đã phân loại tác động lên người sử dụng theo hai khía cạnh: tác động từ nhóm tham khảo và tác động từ xã hội [24]. Các tác động từ nhóm tham khảo bao gồm ảnh hưởng do sự kêu gọi, rủ rê từ bạn bè, đồng nghiệp, gia đình; trong khi tác động xã hội ám chỉ những thông tin đến từ các phương tiện truyền thông như báo, đài, tivi và lời khuyên của nhà trường, chuyên gia [24]. Chuẩn mực chủ quan phản ánh nhận thức của người sử dụng về ảnh hưởng của các tác động bên ngoài đến khả năng diễn ra hành vi thực tế [23]. Ý định thực hiện một hành vi của con người thường chịu ảnh hưởng của những người xung quanh, vì vậy chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến ý định [8], [21]. Giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

H4: Chuẩn mực chủ quan tác động tích cực đến hành vi chấp nhận học trực tuyến của người học trong đại dịch Covid-19

*** Nhận thức kiểm soát hành vi:**

Nhận thức kiểm soát hành vi là khả năng cảm nhận của cá nhân về việc dễ hay khó để thực hiện một hành vi [23], [24]. Điều này bắt nguồn từ khả năng thực hiện hành động nhất định, kèm theo đó là thái độ và trách nhiệm của cá nhân đối với hành động đó [27]. Về

bản chất, đây là mức độ kiểm soát việc thực hiện hành vi chứ không phải là kết quả của hành vi [27].

Trong bối cảnh học trực tuyến mùa Covid-19, nhận thức kiểm soát hành vi mô tả cảm nhận của cá nhân về nguồn lực, kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện việc học trực tuyến. Bắt nguồn từ tình hình thực tế là người dân phải ở nhà tránh dịch và e sợ đám đông, Việt Nam cùng nhiều quốc gia khác đã ra quyết định đóng cửa toàn bộ trường học, cơ sở giáo dục và chuyển sang hình thức học trực tuyến tại nhà. Sự thay đổi đột ngột và mang tính chất bắt buộc này khiến người học phải chủ động làm quen với hình thức học trực tuyến mới trong thời gian nhanh nhất có thể, vì vậy, điều này ảnh hưởng tiêu cực đến ý định sử dụng các phương tiện học tập trực tuyến [28]. Tavallae và cộng sự (2017) cho rằng nếu người học gặp khó khăn do không có kỹ năng sử dụng hoặc không có điều kiện về cơ sở vật chất, ý định sử dụng của họ sẽ giảm đi đáng kể [21]. Vì vậy giả thuyết đề xuất như sau:

H5: Nhận thức kiểm soát hành vi tác động tích cực đến ý định chấp nhận học trực tuyến của người học trong đại dịch Covid-19

*** Ý định sử dụng:**

Theo Fishbein và Ajzen (1980), ý định là một yếu tố để tạo động lực và thúc đẩy một cá nhân sẵn sàng thực hiện hành vi trong tương lai [24]. Theo thuyết TPB, ý định để thực hiện một hành vi cụ thể có thể được dự báo bởi các mức độ tác động của nhận thức (mục đích để kiểm soát hành vi), chuẩn mực chủ quan và thái độ [23]. Thuyết TAM cũng cho rằng ý định là một chỉ báo quan trọng cho hành vi của một cá nhân. Các nghiên cứu sử dụng TAM hoặc TPB để giải thích hành vi học trực tuyến đều cho thấy mối liên hệ tích cực giữa ý định và hành vi [8], [25], [26]. Do vậy, giả thuyết được đề xuất là:

H6: Ý định sử dụng tác động tích cực đến hành vi chấp nhận học trực tuyến của người học trong đại dịch Covid-19

5. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và các mô hình liên quan đến hành vi chấp nhận công nghệ của người sử dụng, bài viết đã đề xuất khung phân tích các yếu tố tác động đến hành vi chấp nhận học trực tuyến của người học tại Việt Nam trong bối cảnh dịch Covid-19. Bài nghiên cứu đã xây dựng mô hình gồm các yếu tố độc lập (thái độ - cảm nhận sự hữu ích, cảm nhận sự dễ sử dụng, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi) và yếu tố trung gian (ý định sử dụng). Đây là đóng góp quan trọng khi tìm hiểu về hành vi chấp nhận công nghệ trong học trực tuyến tại thời điểm hiện nay. Không chỉ vậy, cùng với sự phát triển của mạng Internet, học trực tuyến tiếp tục sẽ là xu thế cần được quan tâm trên toàn thế giới trong tương lai. Do đó, việc nhận thức và hiểu rõ các yếu tố tác động, từ đó đề xuất được các giải pháp nâng cao chất lượng học trực tuyến là rất cấp thiết ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. WHO, "Coronavirus," *Who.int*, 2020. [Online]. Available: https://www.who.int/healthtopics/coronavirus#tab=tab_1. [Accessed March 30, 2020].
- [2]. Ministry of Health, "The Covid-19 pandemic situation statistics," Hanoi: *Ministry of Health*, 2020. [Online]. Available: <https://ncov.moh.gov.vn>. [Accessed March 30, 2020].
- [3]. The VGP News, "The Covid-19 anti-epidemic: Which businesses are allowed to open?" *Online newspaper of the Vietnamese Government (The VGP News)*, 2020. [Online]. Available: <http://baochinhphu.vn/thi-truong/Chong-dich-COVID19-Nhung-co-so-nao-duoc-mo-cua-kinh-doanh/391235.vgp>. [Accessed March 30, 2020].
- [4]. T. Tran, *The Covid- 19 Pandemic: Which sollutions for e-learning?*, The World and Vietnam Report, 2020.
- [5]. M. Pham, and A.T.N. Bui, "Analysis of factors affecting the intention to participate in the E-Learning from the lecturer's viewpoints: A case study of Vietnam," *Science Journal of Ho Chi Minh City Open University*, vol. 15, no. 1, pp. 54-64, 2020.
- [6]. Q. Pham, and T. Tran, "The acceptance of e-learning systems and the learning outcome of students at universities in Vietnam," *Knowledge Management & E-Learning: An International Journal*, vol. 12, no. 1, pp. 63-84, 2020.
- [7]. M. Masrom, "Technology Acceptance Model and E-learning," in 12th International Conference on Education, Malaysia, 2007.
- [8]. T. Chu, and Y. Chen, "With Good We Become Good: Understanding e-learning adoption by theory of planned behavior and group influences," *Computers & Education*, vol. 92- 93, pp. 37-52, 2016.
- [9]. S. Taylor, and P. Todd, "Assessing IT Usage: The Role of Prior Experience," *MIS Quarterly*, vol. 19, no. 4, pp. 561 - 566, 1995.
- [10]. N. Samaradiwakara, and G. Gunawardena, "Comparison of existing technology acceptance and models to suggest a well improved theory/model," *International Technical Sciences Journal (ITSJ)*, vol. 1, no. 1, pp. 21-36, 2020.
- [11]. V. Trinh, "Some issues related E-learning," *Journal of Science – University of Education*, Ho Chi Minh city, vol. 40, no. 86, pp. 86-90, 2012.
- [12]. Y. Kathawala, and A. Wilgen, "E-learning: evaluation from an organization's perspective," *Training and Management Development Methods*, vol. 18, no. 4, pp. 501-506, 2004.
- [13]. R. Cheung, and D. Vogel, "Predicting user acceptance of collaborative technologies: An extension of the technology acceptance model for e-learning," *Computers & Education*, vol. 63, pp. 160-175, 2013.
- [14]. I. Ajzen, *From Intentions to Actions: A Theory of Planned Behavior, Action-Control: From Cognition to Behavior*, J. Kuhl and J. Beckmann, Eds., Heidelberg: Springer, pp. 11-39, 1985.
- [15]. M. A. Al- Jabari, S. Norezam Othman, and N. Kamariah Nik Mat, "Actual Online Shopping Behavior among Jordanian Customers," *American Journal of Economics*, vol. 2, no. 4, pp. 125-129, 2012.
- [16]. R. Safeena, H. Date, N. Hundewale, and A. Kammani, "Combination of TAM and TPB in Internet Banking Adoption," *International Journal of Computer Theory and Engineering*, vol. 5, no.1, pp. 146-150, 2013.
- [17]. F. Davis, R. Bagozzi, and P. Warshaw, "User Acceptance of Computer Technology: A Comparison of Two Theoretical Models," *Management Science*, vol. 35, pp. 982-1003, 1989.
- [18]. O. Nelson, "Factors of Online Learning Adoption: A Comparative Juxtaposition of the

- Theory of Planned Behaviour and the Technology Acceptance Model," *International Jl. On E-Learning*, vol. 5, no. 4, pp. 571-591, 2006.
- [19]. H. Yang, and C. Su, "Learner Behaviour in a MOOC Practice-oriented Course: In Empirical Study Integrating TAM and TPB," *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, vol. 18, no. 5, pp. 35-63, 2017.
- [20]. F. D. Davis, *Perceived Usefulness, Perceived Ease of Use and User Acceptance of Information Technology*, MIS Quarterly, pp. 319-340, 1989.
- [21]. R. Tavallae, S. Shokouhyar, and F. Samadi, "The combined theory of planned behaviour and technology acceptance model of mobile learning at Tehran universities," *International Journal of Mobile Learning and Organisation*, vol. 11, no. 2, pp. 176-206, 2017.
- [22]. Ministry of Education and Training, "Online teaching: Efforts and determination from the disadvantaged localities," *Moet.gov.vn*, 2020. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/phong-chong-nCoV.aspx?ItemID=6609>. [Accessed May 04, 2020].
- [23]. I. Ajzen, "The theory of planned behavior," *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, vol. 50, no. 2, pp. 179-211, 1991.
- [24]. M. Fishbein, and I. Ajzen, *Belief, attitude, intention and behavior: An introduction to theory and research*, Addison-Wesley, 1980.
- [25]. S. Salloum, A. Qasim Mohammad Alhamad, M. Al-Emran, A. Abdel Monem, and K. Shaalan, "Exploring Students' Acceptance of E-Learning Through the Development of a Comprehensive Technology Acceptance Model," *IEEE Access*, vol. 7, pp. 128445-128462, 2019.
- [26]. Y. Cheng, "Antecedents and consequences of e-learning acceptance," *Information Systems Journal*, vol. 21, no. 3, pp. 269-299, 2010.
- [27]. D. Simmons, and R. Widmar, "Motivations and Barriers to Recycling: Toward a Strategy for Public Education," *The Journal of Environmental Education*, vol. 22, no. 1, pp. 13-18, 1990.
- [28]. Ministry of Education and Training, "Promoting online learning through internet, television during the Covid-19 pandemic," *moet.gov.vn*, 2020. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=6594>. [Accessed May 04, 2020].